**MA** **TRẬN,** **BẢNG** **ĐẶC** **TẢ** **VÀ** **ĐỀ** **KIỂM** **TRA** **GIỮA** **HỌC** **KÌ** **II** **MÔN** **CÔNG** **NGHỆ** **7**

**1.** **Ma** **trận** **đề** **kiểm** **tra** **giữa** **học** **kì** **II** **môn** **Công** **nghệ** **7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **Số CH** | **Thời gian (Phút)** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Giới thiệu về chăn nuôi** | **Vai trò, triển vọng của chăn nuôi** | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 | **3.3** |
| **Các loại vật nuôi** | 1 | 1 | 1 | 1.5 |  |  |  |  | 2 |  | 2.5 | **6.7** |
| **Phương thức chăn nuôi** | 1 | 1 |  |  |  |  | 1 | 7 | 1 | 1 | 8 | **13.3** |
| **Ngành nghề trong chăn nuôi** | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 | **3.3** |
| **Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi** |  |  |  |  | 1 | 9 |  |  |  | 1 | 9 | **20.0** |
| **2** | **Nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi** | **Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi** | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 | **3.3** |
| **Nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi** | 3 | 3 | 1 | 12.5 |  |  |  |  | 3 | 1 | 15.5 | **30.0** |
| **3** | **Phòng và trị bệnh cho vật nuôi** | **Vai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | 1 | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 | **3.3** |
| **Nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi** | 3 | 3 |  |  |  |  |  |  | 3 |  | 3 | **10.0** |
| **Phòng, trị bệnh cho vật nuôi** |  |  | 2 | 3 |  |  |  |  | 2 |  | 3 | **6.7** |
| **Tổng** | | | **12** | **12** | **4** | **17** | **1** | **9** | **1** | **7** | **15** | **3** | **45** | **100** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **70** | **30** | **100** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  |  | **100** | **100** |

**2. Bảng đặc tả đề kiểm tra giữa học kì II môn Công nghệ 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi**  **theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Giới thiệu về chăn nuôi** | 1.**Vai trò, triển vọng của chăn nuôi** | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò của chăn nuôi đối với đời sống con người và nền kinh tế.  - Nêu được triển vọng của chăn nuôi ở Việt nam. | 1 |  |  |  |
| **2. Các loại vật nuôi** | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số vật nuôi được nuôi nhiều ở nước ta (gia súc, gia cầm...).  - Nhận biết được một số vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta (gia súc, gia cầm.). | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - So sánh được các đặc điểm cơ bản của các loại vật nuôi đặc trưng vùng miền ở nước ta. |  | 1 |  |  |
| 3. **Phương thức chăn nuôi** | **Nhận biết:**   * Nêu được các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  - Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi phổ biến ở địa phương. |  |  |  | 1 |
|  | **4. Ngành nghề trong chăn nuôi** | **Nhận biết:**   * Trình bày được đặc điểm cơ bản của một số ngành nghề phổ biến trong chăn nuôi. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  Nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân với các ngành nghề trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  **-** Nhận thức được sở thích, sự phù hợp của bản thân về các nghề trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
|  | ***5*. Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi** | **Nhận biết:**   * Nêu được các vai trò việc vệ sinh chuồng trại trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Nêu được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Có ý thức vận dụng kiến thức vào thực tiễn và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình và địa phương. |  |  | 1 |  |
| 2 | **Nuôi dưỡng và**  **chăm sóc vật** | **Vai trò của nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi** | **Nhận biết:**   * Trình bày được vai trò của việc nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi. | 1 |  |  |  |
| **Nuôi dưỡng và chăm sóc các loại vật nuôi** | **Nhận biết:**   * Nêu được các công việc cơ bản trong nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống, vật nuôi cái sinh sản. | 3 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**   * Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc cho một loại vật nuôi phổ biến. * So sánh được kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản. |  | 1 |  |  |
| **Vận dụng:**  - Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| 3 | **Phòng và trị bệnh cho vật nuôi** | **Vai trò của phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | **Nhận biết:**  - Trình bày được vai trò của việc phòng, trị bệnh cho vật nuôi. | 1 |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  - Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi. |  |  |  |  |
| **Nguyên nhân gây bệnh cho vật nuôi** | **Nhận biết:**   * Nêu được các nguyên nhân chính gây bệnh cho vật nuôi. | 3 |  |  |  |
| **Phòng, trị bệnh cho vật nuôi** | **Thông hiểu:**   * Trình bày được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến. * Nêu được những việc nên làm, không nên làm để phòng bệnh cho vật nuôi. |  | 1  1 |  |  |
| **Vận dụng:**   * Vận dụng được kiến thức phòng trị bệnh cho vật nuôi vào thực tiễn gia đình, địa phương. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:**  - Lập được kế hoạch, tính toán được chi phí cho việc nuôi dưỡng và chăm sóc, phòng, trị bệnh một loại vật nuôi trong gia đình. |  |  |  |  |
|  |  |  | **Tổng:** | 12 | 4 | 1 | 1 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG**  Họ và tên:………………………..........  Lớp:……… | | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2022-2023**  **MÔN: CÔNG NGHỆ - LỚP 7**  **Thời gian**:45 phút (*không kể thời gian giao đề)* | |
|  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐIỂM** | **NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN** |

**I. TRẮC NGHIỆM:** *(5.0 điểm)*Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất

**Câu 1. Vai trò của chăn nuôi là**

**A.** cung cấp thực phẩm, phân bón, nguyên liệu xuất khẩu.

**B.** cung cấp thực phẩm, nguyên liệu cho chế biến, chăn nuôi.

**C.** cung cấp thực phẩm, phân bón, nguyên liệu cho chế biến, xuất khẩu.

**D.** cung cấp thực phẩm, nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.

**Câu 2. Vật nuôi nào sau đây thuộc nhóm gia súc?**

**A.** Gà. **B.** Ngỗng. **C.** Vịt. **D.** Lợn.

**Câu 3. Hiện nay ở Việt nam có mấy phương thức chăn nuôi phổ biến?**

**A.** 1 **B**. 2 **C**. 3 **D**. 4

**Câu 4. Nhiệm vụ của nghề kỹ sư chăn nuôi là**

**A**. khám và chữa bệnh cho vật nuôi, chế biến thức ăn, chăm sóc, phòng bệnh cho vật nuôi.

**B**. chọn và nhân giống cho vật nuôi, chăm sóc, nghiên cứu các loại vaccine cho vật nuôi.

**C**. chọn và nhân giống cho vật nuôi; chế biến thức ăn, chăm sóc, phòng bệnh cho vật nuôi.

**D**. khám và chữa bệnh cho vật nuôi, nghiên cứu các loại thuốc, vaccine cho vật nuôi.

**Câu 5. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi có vai trò gì?**

**A.** Tăng năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi. **B**. Tăng kích thước, sức khỏe cho vật nuôi.

**C.** Tăng chất lượng sản phẩm chăn nuôi. **D**. Giúp vật nuôi khỏe mạnh.

**Câu 6. Khi cho vật nuôi đực giống ăn thì ta cần chú ý điều gì?**

**A.** Cho ăn vừa đủ, thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm.

**B.** Cho ăn vừa đủ, thức ăn chất lượng cao, giàu lipid.

**C.** Cho ăn tự do, thức ăn chất lượng cao, giàu chất đạm.

**D.** Cho ăn tự do, thức ăn chất lượng cao, giàu chất lipid.

**Câu 7. Quá trình chăm sóc gia súc cái sinh sản trải qua mấy giai đoạn?**

**A.** 2 giai đoạn. **B.** 3 giai đoạn. **C.** 4 giai đoạn. **D.** 5 giai đoạn.

**Câu 8. Đâu *không phải* là công việc chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi?**

**A.** Cho vật nuôi ăn đủ chất dinh dưỡng. **B.** Giữ ấm cho vật nuôi non.

**C.** Bán và mổ thịt vật nuôi ốm. **D.** Giữ vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ.

**Câu 9. Trị bệnh tốt cho vật nuôi có tác dụng gì?**

**A.** Tăng cường sức khoẻ, giảm khả năng nhiễm bệnh. **B.** Tạo miễn dịch cho vật nuôi.

**C.** Tăng cường sức đề kháng cho vật nuôi. **D.** Giúp vật nuôi nhanh khỏi bệnh.

**Câu 10. Nguyên nhân nào dưới đây có thể gây dịch, bệnh cho vật nuôi?**

**A.** Cho vật nuôi ăn đầy đủ dinh dưỡng. **B.** Không cho vật nuôi tiếp xúc với nguồn bệnh.

**C.** Tiêm phòng vaccine đầy đủ cho vật nuôi. **D.** Chuồng trại không hợp vệ sinh.

**Câu 11. Các bệnh có thể lây lan nhanh thành dịch, làm chết nhiều vật nuôi thường có nguyên nhân chính là do**

**A.** thời tiết không phù hợp. **B.** vi khuẩn và virus.

**C.** thức ăn không đảm bảo vệ sinh. **D.** chuồng trại không phù hợp.

**Câu 12. Bệnh ghẻ ở chó là do nguyên nhân gì?**

**A.** Vi sinh vật gây bệnh. **B.** Động vật kí sinh.

**C.** Thiếu chất dinh dưỡng. **D.** Môi trường sống không thuận lợi.

**Câu 13. Việc nào dưới đây là *không nên làm* để phòng, trị bệnh cho vật nuôi?**

**A.** Vứt xác vật nuôi xuống ao, mương. **B.** Tiêm phòng đầy đủ vaccine.

**C.** Vệ sinh môi trường sạch sẽ. **D.** Cách li vật nuôi bị bệnh với vật nuôi khoẻ.

**Câu 14. Lợn cỏ có những đặc điểm nào sau đây?**

**A.** Da có màu đen, chậm lớn, có khối lượng từ 10-15kg, đẻ ít.

**B.** Da có màu trắng đen, dễ nuôi, khối lượng từ 100-170kg, đẻ nhiều.

**C.** Da màu trắng hồng, chậm lớn, có khối lượng từ 10-15kg, đẻ ít.

**D.** Da màu trắng hồng, tỷ lệ nạc cao, khối lượng từ 100-170kg, đẻ nhiều.

**Câu 15. Khi phát hiện vật nuôi bị ốm, hành động nào sau đây của người chăn nuôi là đúng?**

**A.** Tiếp tục theo dõi thêm một vài hôm.

**B.** Cho vật nuôi ăn thật nhiều để nhanh khỏi bệnh.

**C.** Báo ngay cho cán bộ thú y đến khám để điều trị kịp thời.

**D.** Tự mua thuốc về điều trị.

**II. TỰ LUẬN:** (5.0 điểm)

**Câu 1**. (2.0 điểm) Em hãy hoàn thành bảng sau để chỉ ra lợi ích của từng công việc nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi non?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Công việc** | **Lợi ích** |
| 1 | Cho con non bú sữa đầu sớm. |  |
| 2 | Tập cho vật nuôi non ăn sớm. |  |
| 3 | Giữ ấm cho vật nuôi |  |
| 4 | Cho vật nuôi non vận động và tiếp xúc với ánh nắng vào buổi sáng sớm. |  |

**Câu 2**. (2.0 điểm) Hãy đề xuất một số biện pháp để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình hoặc địa phương em?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**Câu 3.** (1.0 điểm) Nhà bạn An có một mảnh đất nhỏ sau nhà. Nay gia đình bạn An muốn chăn nuôi gà thịt nhưng điều kiện kinh tế còn hạn chế. Em hãy đề xuất cho gia đình bạn An phương thức chăn nuôi phù hợp và giải thích vì sao em lại đề xuất phương thức chăn nuôi đó?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ THI GIỮA KÌ I MÔN CÔNG NGHỆ 7**

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM *(5 điểm)***

*Khoanh đúng mỗi câu được 0.33 điểm*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** |
| **Đáp án** | C | D | B | C | A | A | B | C | D | D | B | B | A | A | C |

**II. PHẦN TỰ LUẬN *(5 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **Câu 1 (2.0đ)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TT** | **Công việc** | **Lợi ích** | | 1 | Cho con non bú sữa đầu sớm. | Sữa đầu có đủ chất dinh dưỡng, nhiều kháng thể giúp cho cơ thể vật nuôi non chống lại bệnh tật. | | 2 | Tập cho vật nuôi non ăn sớm. | Bổ sung sự thiếu hụt chất dinh dưỡng trong sữa mẹ. | | 3 | Giữ ấm cho vật nuôi | Tránh nhiễm lạnh làm phát sinh các bệnh về hô hấp, tiêu hóa cho vật nuôi non. | | 4 | Cho vật nuôi non vận động và tiếp xúc với ánh nắng vào buổi sáng sớm. | Cơ thể vật nuôi khỏe mạnh và trao đổi chất tốt. | | 0.5  0.5  0.5  0.5 |
| **Câu 2 (2.0đ)** | Một số biện pháp để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi ở gia đình hoặc địa phương em:  - Xây dựng hầm biogas để xử lí phân chuồng, tạo nguồn chất đốt.  - Xử lí chất thải bẳng ủ phân hữu cơ.  - Di chuyển chuồng nuôi ra xa khu vực nhà ở.  - Thường xuyên vệ sinh chuồng nuôi sạch sẽ.  …..  (Tùy theo câu trả lời của học sinh mà giáo viên ghi điểm) | 0.5  0.5  0.5  0.5 |
| **Câu 3 (1.0đ)** | - Gia đình bạn An nên sử dụng phương pháp: Chăn nuôi nông hộ.  - Giải thích: Vì điều kiện gia đình nhà bạn An sẽ phù hợp với chăn nuôi tại hộ gia đình với chi phí đầu tư chuồng trại thấp. | 0.5  0.5 |